

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 6 - 2025
“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Lan

Bà Phạm Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 309/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2025/QĐXXST-DS ngày 18/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2025/QĐST-DS ngày 14/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Gang Thép T; địa chỉ: tổ 13, phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H - chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền:

+ Ông Lê Đức K- chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép T tại Quảng Ninh; địa chỉ liên hệ: tổ 8, khu 6, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

+ Ông Hoàng Danh S- chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Gang thép T; địa chỉ liên hệ: tổ 3, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thu H - chức vụ: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Gang thép T; địa chỉ liên hệ: tổ 13, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

+ Bà Lê Thị Minh T- chức vụ: Phó trưởng Phòng phụ trách chung Phòng Kế toán - Chi nhánh Công ty cổ phần Gang thép T tại Quảng Ninh; địa chỉ liên hệ: tổ 3, khu 4, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh T – Luật sư Công ty TNHH MTV K và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 91 Thợ Nhuộm, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh P; sinh năm: 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 2, khu 1, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần T; địa chỉ: khu 3, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công C - chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Cao L; nơi cư trú: tổ 1, khu 4D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có đơn xin vắng mặt.

4. Những người làm chứng:

- Ông Đỗ Viết D; sinh năm 1951; nơi cư trú: tổ 7, khu 3B, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Hoàng Thị Bích N; sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 2B, khu 9A, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- Anh Lê Đức C; sinh năm 1978; nơi cư trú: tổ 2, khu 7, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Chị Phạm Thị Ngọc H; sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ 3, khu 3B, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần Gang thép T (viết tắt là Công ty Gang thép T) là ông Lê Đức K trình bày:*

Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh là đơn vị phụ thuộc Công ty Gang thép T. Ngày 05/8/2002, Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh thành lập Cửa hàng Kinh doanh kim khí và Vật tư tổng hợp G số I và ông Phan Thanh P là cửa hàng trưởng. Ngày 29/3/2005, Cửa hàng G I sáp nhập với Cửa hàng Kinh doanh kim khí và Vật tư tổng hợp II thành Cửa hàng G, ông P là phó Cửa hàng trưởng. Ngày 28/02/2006 ông P điều động về làm chuyên viên tại bộ phận kinh doanh của Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh. Trong thời gian từ năm 2002 đến năm 2009, khi thực hiện nhiệm vụ bán hàng, ông P không thu đủ tiền hàng, nộp chậm tiền hàng, không nộp tiền lãi cho công ty, cụ thể như sau:

*** Về tiền hàng chưa nộp 3.882.311.692 đồng, gồm:**

- Thời gian ông P làm cửa hàng Trưởng Cửa hàng G I là **920.050.523 đồng**, trong đó:

+ Bán thép cho Công ty Hoàng Thạch với số lượng là 75,074 tấn trị giá 395.840.534 đồng, đã trả 135.840.000 đồng, chưa thu được 260.000.000 đồng. Sau khi trừ đi chi phí bán hàng của cửa hàng là 50.000.000 đồng, còn nợ **210.000.000 đồng**.

+ Bán thép cho Công ty TNHH Thuận Đạt chưa thu được **62.080.529 đồng**.

- + Bán thép cho Công ty CP TM Thái Dương chưa thu được **181.345.400 đồng**.
- + Bán thép cho Công ty CP Chế biến Thủy Sản Hạ Long chưa thu được **58.706.025 đồng**.
- + Bán thép cho Công ty KD thép và vật tư tổng hợp Hà Nội chưa thu được **127.000.338 đồng**.
- + Bán thép cho Công ty CP thương mại Đông Đô chưa thu được 280.918.231 đồng.
- Thời gian ông P làm Chuyên viên tại Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh là **2.823.153.761 đồng**, trong đó:
- + Bán thép cho Công ty thép hình và tấm lợp Việt Á chưa thu được **1.715.165.510 đồng**.
- + Bán thép cho Xí nghiệp tư vấn xây dựng - Công ty 508 chưa thu được **1.107.988.251 đồng**.

Các khoản tiền trên đều có biên bản chốt nợ và hoá đơn bán hàng.

- Ngoài ra, trong thời gian làm tại Chi nhánh Công ty Gang thép tại Quảng Ninh, Ông P còn lấy 8,190 tấn thép trị giá **115.955.658 đồng** (gồm 110.433.960 đồng tiền hàng và 5% tiền thuế) mang đi bán nhưng chưa thanh toán cho Chi nhánh (ông P đã xác nhận tại Biên bản ngày 16/10/2012 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên).

- Tiền hàng bán lẻ trước năm 2002 tại Công ty Kim khí Quảng Ninh (năm 2002 sáp nhập Công ty Gang thép T) là **23.151.750 đồng** chưa nộp (theo Biên bản tổng hợp giải quyết công nợ khó đòi số 574/CN ngày 12/10/2005).

*** Về tiền lãi do chậm nộp tiền hàng là 150.241.305 đồng, cụ thể:**

- Thời điểm ở Cửa hàng G: lãi tháng 06/2006 theo Quyết 225/2007/QĐ-CNQN ngày 16/7/2007 là **36.760.978 đồng**, gồm tiền lãi của số tiền hàng chưa thu được của các Công ty Hoàng Thạch, Thuận Đạt, Thái Dương, Thủy Sản Hạ Long, Công ty KD Thép vật tư Tổng hợp Hà Nội, Công ty Đông Đô và một số công ty khác (những công ty khác này đến nay đã thanh toán đủ tiền hàng).

- Thời điểm ở Văn phòng Chi nhánh Công ty Gang Thép T tại Quảng Ninh: lãi tháng 6/2006 theo Quyết định 225/2007/QĐ-CNQN ngày 16/7/2007 là **53.482.519 đồng**, gồm tiền lãi của số tiền hàng thu chậm đối với Công ty cổ phần Tín Phát, Công ty TM gia công kim khí và Công ty cầu 75, đến ngày 30/7/2007 tại Phiếu thu số 314 ông P đã thanh toán 20.000.000 đồng, còn nợ là **33.482.519 đồng**.

- Tiền lãi của 115.955.658 đồng tiền hàng còn thiếu: từ năm 2009 đến tháng 11/2012 là 79.997.808 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/6/2016, Công ty Gang thép T và ông Phan Thanh P đã chốt tổng số công nợ của ông P như trên là: 4.032.552.997 đồng và phương án trả nợ từ ngày 15/6/2016. Tuy nhiên, ông P không trả nợ như cam kết. Ngày 16/3/2020, hai bên tiếp tục đối chiếu công nợ xác định ông P vẫn nợ Công ty số tiền như trên. Ngày 24/7/2020, ông P trả cho Công ty 150.000.000 đồng, còn nợ 3.882.552.997 đồng. Từ đó cho đến nay ông P không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho Công ty. Căn cứ quy định tại mục 6.4 Điều 6 của Nội quy kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất bán hàng kèm theo Quyết định số 52 ngày 30/7/2002; mục 3 về

quản lý công nợ theo quy định tạm thời về quản lý công tác kế toán tài chính số 113/CN-QN ngày 14/8/2002; mục III về quản lý công nợ theo quy định tạm thời về quản lý công tác kế toán tài chính số 09/CNQN ngày 01/01/2004; mục 3 của Quy chế kinh doanh số 03 ngày 01/10/2004; mục 4.1 của Phụ lục kèm theo Quyết định số 271 ngày 30/6/2005 của Chi nhánh Công ty Gang thép tại Quảng Ninh, ông P có trách nhiệm trả cho Công ty Gang thép T toàn bộ số tiền trên và tiền lãi trên số tiền chưa trả. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu ông P trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/02/2024 là **6.265.336.346 đồng**, trong đó:

- Theo biên bản chốt công nợ là 3.882.552.997 đồng (đã trừ 150.000.000 đồng tiền hàng ông P trả ngày 24/7/2020).

- Tiền lãi của số tiền chưa trả là 2.382.783.349 đồng (trong đó, từ ngày 15/6/2016 đến 23/7/2020 tính lãi trên số tiền 4.032.552.997 đồng $\times 7,8\%/năm = 1.290.903.075$ đồng; từ ngày 24/7/2020 tạm tính đến ngày 29/02/2024 tính lãi trên số tiền 3.882.552.997 đồng $\times 7,8\%/năm = 1.091.880.274$ đồng).

** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phan Thanh P trình bày:* đồng ý chốt nợ theo Biên bản làm việc ngày 15/6/2016 giữa ông P và Công ty Gang thép T, cụ thể:

- Đồng ý trả các khoản tiền hàng còn nợ gồm:

- + Tiền hàng của Công ty tấm lợp Việt Á, nhưng trừ đi 46 tấn hàng trị giá 519.225.000 đồng (vì không thuộc trách nhiệm của Công ty Việt Á) và số tiền 150.000.000 đồng ông P đã trả ngày 24/7/2020, cụ thể là: 1.715.165.510 đồng - 519.225.000 đồng - 150.000.000 đồng = 1.045.940.510 đồng.

- + Tiền hàng còn thiếu của 8,190 tấn thép trị giá 115.955.658 đồng;

- + Tiền hàng bán lẻ trước năm 2002 tại Công ty Kim khí Quảng Ninh là 23.151.750 đồng.

- Đối với khoản tiền hàng còn lại, ông P đề nghị được phối hợp cùng công ty đi đòi, gồm: khoản nợ Xí nghiệp tư vấn xây dựng - Công ty 508 là 1.107.988.251 đồng; khoản nợ tại Cửa hàng G I là 920.050.523 đồng.

- Về các khoản tiền lãi, ông P đề nghị công ty xem xét miễn cho ông.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Công ty cổ phần T trình bày:* Xí nghiệp tư vấn và xây dựng - Công ty 508 thành lập năm 1995, là đơn vị thuộc Công ty TNHH MTV 508. Năm 2010 chuyển đổi thành Xí nghiệp tư vấn xây dựng Công ty TNHH MTV 508, đến năm 2024 dừng hoạt động. Năm 2014, thực hiện cổ phần hoá Công ty TNHH MTV 508 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần T, trên sổ sách Công ty cổ phần T không theo dõi, không được bàn giao hay tiếp nhận công nợ của Xí nghiệp tư vấn xây dựng Công ty 508 hay Công ty TNHH MTV 508. Do đó, việc mua bán hàng hoá giữa ông Phan Thanh P và Xí nghiệp tư vấn và xây dựng - Công ty 508, Công ty cổ phần T không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

** Người làm chứng trình bày:*

Ông Đỗ Viết D: Ông là Giám đốc Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh từ tháng 11 năm 2003, đến năm 2011 ông nghỉ hưu theo chế độ. Thời điểm ông P là Cửa hàng trưởng Cửa hàng G I và là chuyên viên bộ phận kinh doanh của Chi

nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh, theo quy chế, quy định của Công ty thì khoản tiền hàng, tiền lãi ông P chưa nộp cho Công ty là trách nhiệm của cá nhân của ông P. Bản thân ông P đã xác nhận và cam kết trả số tiền trên cho Công ty, nhưng không thực hiện.

Chị Phạm Thị Ngọc H: từ năm 2002 đến năm 2008, chị công tác tại Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh. Công việc của chị là thống kê, theo dõi bán hàng, lập hoá đơn bán hàng..v.v. Chị là người theo dõi lượng hàng ông Phan Thanh P lấy để giao cho một số đơn vị, nên khi các đơn vị này chuyển tiền về mà được Phòng kế toán báo chị sẽ viết hoá đơn.

Anh Lê Đức C: căn cứ vào số lượng, chủng loại hàng hoá ông Phan Thanh P cung cấp, anh viết hoá đơn giá trị gia tăng cho Xí nghiệp tư vấn xây dựng Công ty 508. Ông P là cán bộ bán hàng của Chi nhánh nên có trách nhiệm bán hàng và thu tiền hàng nộp về cho Chi nhánh. Ông P nhiều lần cam kết chịu trách nhiệm cá nhân về các khoản nợ, nhưng chưa thực hiện.

Chị Hoàng Thị Bích N: Chị là Kế toán tổng hợp kho của Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh. Năm 2014, khi Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Quảng Ninh điều tra về công nợ bán hàng của ông Phan Thanh P, chị đã cung cấp chứng từ, hoá đơn bán hàng, cam kết trả nợ của ông P và các biên bản làm việc của Công ty Gang thép T cho Công an.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông P trả tiền lãi đối với số tiền lãi chưa trả 150.241.305 đồng, yêu cầu khác giữ nguyên. Về tiền lãi đối với số tiền hàng chưa trả, tính từ ngày 15/6/2016 đến ngày xét xử (16/6/2025) yêu cầu ông P trả 2.651.821.876 đồng, cụ thể:

Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 23/7/2020 là: $3.882.311.692đ \times 7,8\%/năm \times 04$ năm 01 tháng 08 ngày = 1.242.807.746 đồng;

Ngày 23/7/2020 ông P trả 150.000.000 đồng, nên từ ngày 24/7/2020 đến ngày 31/12/2024 tiền lãi tính trên số tiền là: $3.732.311.692$ đồng $\times 7,8\%/năm \times 04$ năm 05 tháng = 1.292.893.222 đồng;

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/6/2025 là: $3.732.311.692đ \times 6,8\%/năm \times 05$ tháng 16 ngày = 116.120.908 đồng.

Bị đơn ông Phan Thanh P vắng mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 198, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án; nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cơ bản chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

* Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 164, 166, 357, 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Gang thép

T, buộc ông Phan Thanh P phải trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán và khoản tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Công ty cổ phần Gang thép T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Thanh P trả tiền hàng không thu được và tiền lãi cho Công ty. Ông P có nơi cư trú tại phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp kiện đòi tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông P trả tiền lãi đối với số tiền lãi 150.241.305 đồng. Việc thay đổi trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên chấp nhận.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn ông Phan Thanh P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Thống Nhất 508 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

2.1 Về yêu cầu của Công ty Gang thép T buộc ông Phan Thanh P trả tiền hàng còn thiếu và tiền lãi do chậm nộp tiền hàng:

Ông Phan Thanh P làm việc tại Công ty kim khí Quảng Ninh từ năm 1995. Năm 2002, Công ty Kim khí Quảng Ninh sáp nhập với Công ty Gang thép T. Ngày 05/8/2002, Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh thành lập Cửa hàng G I, ông P được bổ nhiệm là cửa hàng trưởng. Ngày 28/02/2006, ông P được điều động về làm chuyên viên tại bộ phận kinh doanh của Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh. Căn cứ lời khai của đương sự, phiếu thu, biên bản đối chiếu công nợ, tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định từ năm 2002 đến năm 2009, khi thực hiện nhiệm vụ bán hàng, ông P không thu đủ tiền hàng và không nộp tiền lãi do chậm nộp tiền hàng cho Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh cụ thể:

- Thời gian ông P làm cửa hàng Trưởng Cửa hàng G I: tiền hàng còn nợ là: 920.050.523 đồng, trong đó: Công ty Hoàng Thạch nợ 210.000.000 đồng; Công ty TNHH Thuận Đạt nợ 62.080.529 đồng; Công ty CP TM Thái Dương nợ 181.345.400 đồng; Công ty CP Chế biến Thủy Sản Hạ Long nợ 58.706.025 đồng; Công ty KD thép và vật tư tổng hợp Hà Nội nợ 127.000.338 đồng và Công ty CP thương mại Đông Đô nợ 280.918.231 đồng.

- Thời gian ông P làm Chuyên viên tại Chi nhánh Công ty Gang thép T tại

Quảng Ninh tiền hàng còn nợ 2.823.153.761 đồng, trong đó: Công ty Thép hình và Tấm lợp Việt Á: 1.715.165.510 đồng; Xí nghiệp tư vấn xây dựng - Công ty 508 nợ 1.107.988.251 đồng.

- Ông P bán lẻ 8,190 tấn thép trị giá 115.955.658 đồng (110.433.960 đồng tiền hàng và 5.521.698 tiền thuế) chưa thanh toán cho Chi nhánh.

- Khi làm tại Công ty Kim khí Quảng Ninh, ông P bán lẻ hàng trị giá 23.151.750 đồng chưa nộp tiền cho Công ty.

- Về khoản tiền lãi 150.241.305 đồng do chậm nộp tiền hàng, cụ thể:

- + Ở Cửa hàng G: theo Quyết định số 225/2007/QĐ-CNQN ngày 16/7/2007, ông P phải chịu trách nhiệm cá nhân tiền lãi chậm trả phải thu là 36.760.978 đồng.

- + Ở Văn phòng Chi Nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh: theo Quyết định số 225/2007/QĐ-CNQN ngày 16/7/2007, ông P phải chịu trách nhiệm cá nhân tiền lãi chậm trả phải thu là 53.482.519 đồng. Tại phiếu thu ngày 30/7/2007, ông P đã trả 20.000.000 đồng, còn nợ là 33.482.519 đồng.

- + Tiền lãi chậm trả của tiền hàng còn thiếu 115.955.658 đồng từ năm 2009 đến tháng 11/2012 là 79.997.808 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/6/2016 giữa ông P và Công ty Gang thép T, ông P đồng ý nhận trả các khoản nợ trên tổng là 4.032.552.997 đồng (nhưng tạm trừ 46 tấn hàng thiếu của Công ty Tấm lợp Việt Á trị giá 519.225.000 đồng và đề nghị miễn giảm tiền lãi 150.241.305 đồng), và cam kết trả nợ từ ngày 15/6/2016 đến trước ngày 31/12/2017. Ngày 16/3/2020, tại Biên bản đối chiếu công nợ giữa ông P và Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh chốt số tiền ông P nợ công ty là 4.032.552.997 đồng (chưa tính lãi suất) và đề nghị ông P trả nợ trước ngày 31/3/2020. Ngoài ra, trước đó tại Biên bản làm việc ngày 16/9/2013 với Công ty Gang thép T và Bản cam kết ngày 17/01/2014 gửi Công an tỉnh Thái Nguyên và Công ty Gang thép T, ông P cũng đã nhận trách nhiệm cá nhân và cam kết tự khắc phục các khoản nợ cho Công ty Gang thép T, dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P để đảm bảo cho việc trả tiền. Tuy nhiên, ngày 24/7/2020, ông P mới trả cho Công ty 150.000.000 đồng, còn lại 3.882.552.997 đồng chưa trả là vi phạm thoả thuận tại các Biên bản làm việc trên.

Tại mục 6.4 Điều VI Quyết định số 52/TC-QĐ ngày 30/7/2002 quyết định nội quy kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất quy định:

“...người lao động làm nhiệm vụ mua bán vật tư hàng hóa, tài sản có trách nhiệm thanh lý hợp đồng theo các điều khoản hợp đồng. Trường hợp để khách hàng chiếm dụng tiền hàng thì cá nhân người đó phải bồi thường 100% giá trị thiệt hại tại thời điểm bồi thường....”.

Tại mục 3 Quyết định số 113/CN-QN ngày 14/8/2002 và mục III Quyết định số 09/CNQN ngày 01/01/2004 về quản lý công nợ theo quy định tạm thời về quản lý công tác kế toán tài chính đều quy định:

“.....nếu cửa hàng nào để phát sinh công nợ quá hạn hay nợ khó đòi thì cửa hàng trưởng các cửa hàng phải chịu trách nhiệm vật chất và xử lý hành chính trước giám đốc chi nhánh và Nhà nước về những khoản nợ đó.....”.

Khi phát sinh công nợ quá hạn thanh toán thì khoản lãi suất chậm trả sẽ tính vào quyền lợi của cửa hàng. Nếu không thu được thì cửa hàng trưởng phải chịu trách nhiệm bồi thường....”

Tại mục 3 của Quy chế kinh doanh số 03 ngày 01/10/2004 và mục 4.1 của Phụ lục kèm theo Quyết định số 271 ngày 30/6/2005 của Chi nhánh Công ty Gang thép tại Quảng Ninh, đều quy định:

“Đơn vị cá nhân nào thuộc Chi nhánh tham gia bán hàng thì đơn vị cá nhân phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc Chi nhánh về số lượng, trọng lượng, chất lượng từng quy cách cỡ loại hàng hóa đã nhận, bán hàng đúng giá, thu tiền đúng quy định của Công ty và của Chi nhánh.

Các cửa hàng trực tiếp bán hàng ông phụ trách cửa hàng phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về bán hàng thu tiền cũng như các điều khoản thỏa thuận với khách hàng được thể hiện trong hợp đồng mua bán.

Nếu không thu được tiền đúng hạn phải chịu lãi xuất theo quy định của phòng Kế toán-Tài chính-Tổng hợp Chi nhánh.

Nếu để rủi ro mất vốn ông phụ trách đơn vị phải chịu trách nhiệm trực tiếp vì những rủi ro chủ quan gây lên”.

Theo quy định trên việc ông P bán hàng nhưng không thu được tiền hàng, nộp chậm tiền hàng cho Chi nhánh Công ty Gang thép T tại Quảng Ninh phải trả lãi là thuộc trách nhiệm cá nhân của ông P. Tại Biên bản làm việc 15/6/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 16/3/2020, ông P nhận trách nhiệm cá nhân số tiền trên là tự nguyện và phù hợp với quy chế và quy định của Công ty. Ông P đề nghị trừ 46 tấn thép trị giá 519.225.000 đồng vì không thuộc trách nhiệm của Công ty Tầm lợp Việt Á, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, ông P đề nghị phối hợp với Công ty Gang thép T đi đòi nợ Xí nghiệp tư vấn xây dựng – Công ty 508, Công ty Hoàng Thạch, Công ty TNHH Thuận Đạt nợ, Công ty CP TM Thái Dương, Công ty CP Chế biến Thủy Sản Hạ Long, Công ty KD thép và vật tư tổng hợp Hà Nội và Công ty CP thương mại Đông Đô. Tuy nhiên, các công ty này đều đã dừng hoạt động, giải thể hoặc không còn hoạt động từ lâu nên không thể thu hồi tiền nợ được. Do đó, đề nghị của ông P là không có cơ sở thực hiện. Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Gang thép T, buộc ông P trả số tiền 3.882.552.997 đồng, trong đó tiền hàng là 3.732.311.692 đồng, tiền lãi là 150.241.305 đồng.

2.1 Về yêu cầu của Công ty Gang thép T buộc ông Phan Thanh P trả tiền lãi:

Công ty Gang thép T yêu cầu ông P trả tiền lãi trên số tiền hàng chưa trả tính từ ngày 15/6/2026 đến ngày xét xử (16/6/2025) tổng là 2.651.821.876 đồng, trong đó:

Từ ngày 15/6/2016 đến ngày 23/7/2020 tiền lãi tính trên tiền hàng là: $3.882.311.692đ \times 7,8\%/năm \times 04 \text{ năm } 01 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 1.242.807.746 \text{ đồng};$

Ngày 24/7/2020 ông P trả 150.000.000 đồng hàng, nên từ ngày 24/7/2020 đến ngày 31/12/2024 tiền lãi tính trên số tiền hàng là: $3.732.311.692 \text{ đồng} \times 7,8\%/năm \times 04 \text{ năm } 05 \text{ tháng} = 1.292.893.222 \text{ đồng};$

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 16/6/2025 là: $3.732.311.692đ \times 6,8\%/năm \times 05 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 116.120.908 \text{ đồng}.$

Xét thấy tại Biên bản làm việc ngày 15/6/2016, ông P đã chót số tiền hàng còn nợ Công ty Gang thép T và cam kết trả nợ từ ngày 15/6/2016 đến trước ngày 31/12/2016. Tuy nhiên, ông P không thực hiện đúng cam kết, vi phạm nghĩa vụ trả tiền, việc Công ty Gang thép T yêu cầu ông P trả tiền lãi đối với số tiền hàng chưa trả từ ngày 15/6/2016 là có căn cứ và đúng quy định tại mục 3 Quyết định số 113/CN-QN ngày 14/8/2002; mục III Quyết định số 09/CNQN ngày 01/01/2004 về quản lý công nợ theo quy định tạm thời về quản lý công tác kế toán tài chính; mục 3 của Quy chế kinh doanh số 03 ngày 01/10/2004 và mục 4.1 của Phụ lục kèm theo Quyết định số 271 ngày 30/6/2005 của Công ty Gang thép T Chi nhánh Quảng Ninh. Về lãi suất, Công ty Gang thép T tính lãi suất từ ngày 15/6/2016 đến ngày 31/12/2024 là 7,8%/năm và từ ngày 01/4/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2025) là 6,8%/năm là phù hợp với Công văn số 1001/GTTN-KTTC ngày 02/12/2014 và số 08/GTTN-TCKT ngày 03/01/2025 về việc thực hiện lãi suất trong giao dịch của Công ty Gang thép T; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu của Công ty Gang thép T về việc buộc ông P trả số tiền lãi như trên.

[3] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của Công ty Gang thép T được chấp nhận, ông P có nghĩa vụ trả cho Công ty Gang thép T số tiền 6.534.374.873 đồng, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.534.375 đồng.

Trả lại cho Công ty Gang thép T 57.138.518 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 446, Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Gang thép T, buộc ông Phan Thanh P phải trả cho Công ty cổ phần Gang thép T số tiền là 6.534.374.873đ (sáu tỷ năm trăm ba mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng), trong đó tiền hàng 3.732.311.692đ (ba tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng), tiền lãi là 2.802.063.181đ (hai tỷ tám trăm linh hai triệu không trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Phan Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.534.375đ (một trăm mười bốn triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng).

Trả lại Công ty cổ phần Gang thép T 57.138.518đ (năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tám nghìn năm trăm mười tám đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số 0001244 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- Chi cục THADS thành phố Hạ Long;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

